

**Deloitte**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ  
SAO MAI - BẾN ĐÌNH**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**CHO KỲ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2012  
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2012**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 21

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Trần Hải Bình	Chủ tịch
Ông Phùng Như Dũng	Ủy viên
Ông Lê Triều Thanh	Ủy viên
Ông Nguyễn Phúc Hải	Ủy viên
Ông Nguyễn Tấn Hòa	Ủy viên
Ông Nguyễn Việt Đạt	Ủy viên

#### Ban Giám đốc

Ông Phùng Như Dũng	Giám đốc
Ông Đặng Đức Hồi	Phó Giám đốc
Ông Trần Chí Dũng	Phó Giám đốc
Ông Trần Đức Hạnh	Phó Giám đốc

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

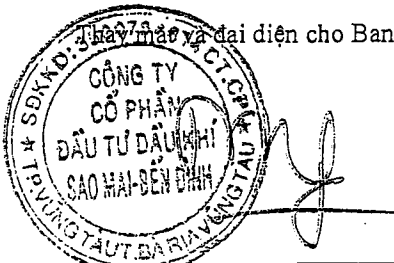
Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Phùng Như Dũng đại diện cho Ban Giám đốc,



Phùng Như Dũng  
Giám đốc

Ngày 10 tháng 8 năm 2012

Số: 0074 /Deloitte-AUDHCM-RE

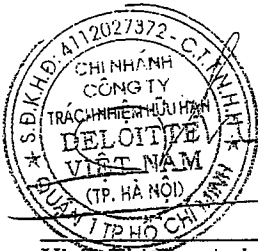
## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình

Chúng tôi đã soát xét bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 3 đến trang 21. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này dựa trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



**Khúc Thị Lan Anh**  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0036/KTV

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

*Ngày 10 tháng 8 năm 2012*  
*Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam*

**Văn Đình Khuê**  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1178/KTV

120  
CHIT  
COP  
JHNNH  
ELI  
[E]  
[P]  
[TP]  
[TP]  
[TP]  
[TP]

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNH

Lầu 16, Tòa nhà khách sạn Dầu khí, 9-11 đường Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu

Báo cáo tài chính

Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

Mẫu B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012	31/12/2011
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>549.531.654.309</b>	<b>556.560.311.999</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	507.986.777.281	402.344.257.497
1. Tiền	111		7.986.777.281	2.344.257.497
2. Các khoản tương đương tiền	112		500.000.000.000	400.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	30.000.000.000	130.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		30.000.000.000	130.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		9.801.490.288	23.171.238.488
1. Phải thu khách hàng	131		1.468.508.122	13.203.530.933
2. Trả trước cho người bán	132		-	793.253.978
3. Các khoản phải thu khác	135	6	8.332.982.166	9.174.453.577
IV. Hàng tồn kho	140		379.035.772	-
1. Hàng tồn kho	141		379.035.772	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.364.350.968	1.044.816.014
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		11.920.500	10.541.000
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		843.817.787	470.588.302
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		185.628.276	239.070.997
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		322.984.405	324.615.715
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>272.946.331.702</b>	<b>275.678.830.055</b>
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.000.000	23.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	218		3.000.000	23.000.000
II. Tài sản cố định	220		43.562.744.439	43.907.606.864
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	19.700.704.858	21.154.330.729
- Nguyên giá	222		26.394.670.963	26.370.904.269
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.693.966.105)	(5.216.573.540)
2. Tài sản cố định vô hình	227	8	1.779.096	7.116.384
- Nguyên giá	228		53.372.880	53.372.880
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(51.593.784)	(46.256.496)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	23.860.260.485	22.746.159.751
III. Bất động sản đầu tư	240		218.850.587.263	221.218.223.191
- Nguyên giá	241	10	229.280.786.454	229.280.786.454
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(10.430.199.191)	(8.062.563.263)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		10.530.000.000	10.530.000.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258	11	10.530.000.000	10.530.000.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>			<b>822.477.986.011</b>	<b>832.239.142.054</b>

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 21 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNH**

Lầu 16, Tòa nhà khách sạn Dầu khí, 9-11 đường Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu  
 Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

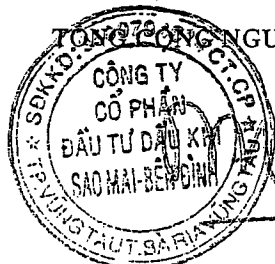
Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

Mẫu B 01-DN  
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	
		30/6/2012	31/12/2011
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>	<b>257.391.743.051</b>	<b>259.463.934.157</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>14.300.294.468</b>	<b>14.229.842.537</b>
1. Phải trả người bán	312	4.544.586.192	5.019.066.409
2. Người mua trả tiền trước	313	617.562.273	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	760.880.110
4. Phải trả người lao động	315	6.556.374.405	219.100.479
5. Chi phí phải trả	316	-	2.095.309.138
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	78.478.487	82.924.802
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	1.742.413.001	3.092.244.409
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>	<b>243.091.448.583</b>	<b>245.234.091.620</b>
1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	13	2.434.559.443
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	72.637.220	72.637.220
3. Doanh thu chưa thực hiện	338	14	240.508.061.444
4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339	76.190.476	171.428.571
<b>B. NGUỒN VỐN</b>	<b>400</b>	<b>565.086.242.960</b>	<b>572.775.207.897</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>565.086.242.960</b>	<b>572.775.207.897</b>
1. Vốn điều lệ	411	500.000.000.000	500.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417	32.473.175.126	29.648.479.095
3. Quỹ dự phòng tài chính	418	12.027.101.898	10.980.918.183
4. Lợi nhuận chưa phân phối	420	20.585.965.936	32.145.810.619
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>	<b>822.477.986.011</b>	<b>832.239.142.054</b>



Phùng Như Dũng  
 Giám đốc  
 Ngày 10 tháng 8 năm 2012

Phạm Minh Vĩ  
 Kế toán trưởng

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNH**

Lầu 16, Tòa nhà khách sạn Dầu khí, 9-11 đường Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu

Báo cáo tài chính

Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

MẪU B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2012	Từ 01/01/2011
			đến 30/6/2012	đến 30/6/2011 (chưa soát xét)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	21.226.116.395	259.528.712.162
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		21.226.116.395	259.528.712.162
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	18	18.187.263.670	250.610.741.694
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		3.038.852.725	8.917.970.468
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	35.345.844.036	35.884.509.177
6. Chi phí tài chính	22	21	38.199	8.512.053.542
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	2.340.412.455
7. Chi phí bán hàng	24		938.311.415	541.421.594
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		23.230.026.963	16.681.111.188
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		14.216.320.184	19.067.893.321
10. Thu nhập khác	31		-	77.727.273
11. Chi phí khác	32		40.215.650	9.074.451.947
12. Lỗ khác	40		40.215.650	8.996.724.674
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		14.176.104.534	10.071.168.647
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	22	3.159.772.434	1.977.938.775
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	13	554.494.950	553.853.386
16. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		10.461.837.150	7.539.376.486
17. Lợi ích bán trên cổ phiếu	70	23	209	151



Phùng Như Dũng

Giám đốc

Ngày 10 tháng 8 năm 2012

Phạm Minh Vi

Kế toán trưởng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

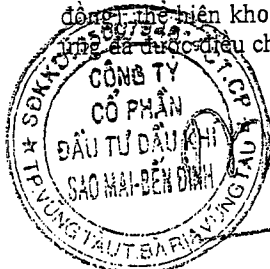
Mẫu B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2012	Từ 01/01/2011
		đến 30/6/2012	đến 30/6/2011 (chưa soát xét)
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	14.176.104.534	10.071.168.647
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	3.850.365.781	3.403.146.254
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(35.345.844.036)	(35.884.509.177)
Chi phí lãi vay	06	-	2.340.412.455
3. Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(17.319.373.721)	(20.069.781.821)
Biến động các khoản phải thu	09	12.230.121.335	16.802.599.968
Biến động hàng tồn kho	10	(379.035.772)	(4.730.895.156)
Biến động các khoản phải trả	11	1.670.867.638	(95.817.922.392)
Biến động chi phí trả trước	12	(1.379.500)	-
Tiền lãi vay đã trả	13	-	(2.340.412.455)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(6.120.089.624)	(6.107.883.726)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(2.488.038.591)	(11.426.111.769)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(12.406.928.235)	(123.690.407.35)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(1.137.867.428)	(236.886.669)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(589.000.000.000)	(705.829.664.67)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	689.000.000.000	801.587.065.710
4. Thu lãi tiền gửi	27	36.187.315.447	36.412.568.400
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	135.049.448.019	131.933.082.763
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Cổ tức đã trả cho các cổ đông	36	(17.000.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(17.000.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	105.642.519.784	8.242.675.412
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	402.344.257.497	2.100.531.254
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	70	<u>507.986.777.281</u>	<u>10.343.206.666</u>

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ:

Tiền thu từ lãi tiền gửi không bao gồm số tiền 8.332.982.166 đồng (6 tháng đầu năm 2011: 6.199.236.170 đồng) thể hiện khoản thu nhập chưa nhận được tại ngày 30 tháng 6 năm 2012. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phân tăng, giảm các khoản phải thu.



Phùng Như Dũng  
Giám đốc  
Ngày 10 tháng 8 năm 2012

Phạm Minh Vi  
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 21 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNH**

Lầu 16, Tòa nhà khách sạn Dầu khí, 9-11 đường Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu

Báo cáo tài chính

Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (gọi tắt là "Công ty") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Công ty cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 3500794814 ngày 21 tháng 5 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp và các giấy phép điều chỉnh. Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh này thay thế Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 4903000636 ngày 07 tháng 5 năm 2007.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 là 74 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 75 người).

**Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh là khai thác cụm cảng và khu kinh tế Sao Mai Bến Đình, khai thác cụm cảng container, sản xuất, sửa chữa và cho thuê container; xây dựng các công trình phục vụ ngành dầu khí; lắp ráp giàn khoan và các công trình nổi phục vụ ngành dầu khí; đóng mới và sửa chữa tàu thuyền và các phương tiện nổi; kinh doanh máy móc, thiết bị phục vụ ngành dầu khí và hàng hải, phân bón, vật liệu xây dựng, hóa chất; kinh doanh vận tải đường biển, đường thủy nội bộ; cho thuê các thiết bị vận tải, kho bãi.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Đây là báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

**Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNH**

Lầu 16, Tòa nhà khách sạn Dầu khí, 9-11 đường Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu

Báo cáo tài chính

Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, ký quỹ ngắn hạn và phải thu dài hạn khác.

*Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và chi phí phải trả.

*Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu*

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

*Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

*Dự phòng phải thu khó đòi*

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

*Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho bao gồm chi phí sản xuất kinh doanh dở dang liên quan đến các dự án và các chi phí phát sinh liên quan đến dịch vụ tư vấn quản lý dự án.

*Tài sản cố định hữu hình và khấu hao*

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm</u>
Máy móc, thiết bị	7
Phương tiện vận tải	7
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Tài sản hữu hình khác	10

*Thuê tài sản*

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và kế toán theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNH**

Lầu 16, Tòa nhà khách sạn Dầu khí, 9-11 đường Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu  
Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện phần mềm kế toán và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm (05) năm.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm cơ sở hạ tầng do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

**Các khoản đầu tư dài hạn khác**

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện khoản đầu tư vào công ty khác với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của đơn vị nhận đầu tư và được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn khác được trích lập cho các khoản đầu tư dài hạn nếu đơn vị nhận đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư).

**Chi phí trả trước dài hạn**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị các thiết bị văn phòng đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai (02) hoặc ba (03) năm.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng. (xem chi tiết dưới đây)

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

#### Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận trong tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

#### Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này và được xử lý như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu ngắn hạn và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận trên khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc mục "Vốn chủ sở hữu" trên bảng cân đối kế toán.

- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải thu dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại chưa ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và được phân bổ vào chi phí tối đa không quá 5 năm.

Hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC như trên có khác biệt so với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo VAS10, tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh. Đối với kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012, không có chênh lệch giữa việc áp dụng Thông tư 201/2009/TT-BTC và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10).

#### Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền mặt	214.379.234	143.398.628
Tiền gửi ngân hàng	7.772.398.047	2.200.858.869
Các khoản tương đương tiền	500.000.000.000	400.000.000.000
	<u>507.986.777.281</u>	<u>402.344.257.497</u>

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại và các khoản ủy thác đầu tư tại các công ty tài chính có kỳ hạn 3 tháng với lãi suất được hưởng từ 9% - 14%/năm (2011: 14%).

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 1 năm với lãi suất được hưởng 14%/năm (2011: 14%).

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNH**

Lầu 16, Tòa nhà khách sạn Dầu khí, 9-11 đường Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu

Báo cáo tài chính

Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Phải thu lãi từ tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	8.280.388.887	9.174.453.577
Thuế thu nhập cá nhân phải thu bổ sung của nhân viên	52.593.279	-
	<u>8.332.982.166</u>	<u>9.174.453.577</u>

**7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản hữu hình khác VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2012	1.467.811.000	4.479.393.486	1.221.221.958	19.202.477.825	26.370.904.269
Đầu tư XD CB hoàn thành	-	-	-	23.766.694	23.766.694
Tại ngày 30/6/2012	<u>1.467.811.000</u>	<u>4.479.393.486</u>	<u>1.221.221.958</u>	<u>19.226.244.519</u>	<u>26.394.670.963</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2012	255.064.866	1.758.517.406	893.632.230	2.309.359.038	5.216.573.540
Khấu hao trong kỳ	104.843.712	319.956.672	82.021.232	970.570.949	1.477.392.565
Tại ngày 30/6/2012	<u>359.908.578</u>	<u>2.078.474.078</u>	<u>975.653.462</u>	<u>3.279.929.987</u>	<u>6.693.966.105</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 30/6/2012	<u>1.107.902.422</u>	<u>2.400.919.408</u>	<u>245.568.496</u>	<u>15.946.314.532</u>	<u>19.700.704.858</u>
Tại ngày 31/12/2011	<u>1.212.746.134</u>	<u>2.720.876.080</u>	<u>327.589.728</u>	<u>16.893.118.787</u>	<u>21.154.330.729</u>

Nguyên giá các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 là 686.249.307 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 686.249.307 VND).

**8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm kế toán VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Tại ngày 01/01/2012 và 30/6/2012	53.372.880
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Tại ngày 01/01/2012	46.256.496
Khấu hao trong kỳ	5.337.288
Tại ngày 30/6/2012	<u>51.593.784</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Tại ngày 30/6/2012	<u>1.779.096</u>
Tại ngày 31/12/2011	<u>7.116.384</u>

**9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND	Năm 2011 VND
Tại ngày đầu kỳ/năm	22.746.159.751	17.917.339.824
Tăng	1.137.867.428	13.071.098.059
Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(23.766.694)	(7.980.305.963)
Kết chuyển sang bất động sản đầu tư	-	(261.972.169)
Tại ngày cuối kỳ/năm	<u>23.860.260.485</u>	<u>22.746.159.751</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNH**Lầu 16, Tòa nhà khách sạn Dầu khí, 9-11 đường Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu  
Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẤU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện tổng chi phí xây dựng Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình trên diện tích 160 ha đất và chi phí xây dựng Căn cứ Dịch vụ Công nghiệp Dầu khí Vân Phong, tỉnh Khánh Hòa. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, tổng số vốn đầu tư vào Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai Bến Đình và Căn cứ Dịch vụ Công nghiệp Dầu khí Vân Phong, tỉnh Khánh Hòa lần lượt là 15.857.650.174 đồng và 8.002.610.311 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 15.371.798.337 đồng và 7.374.361.414 đồng).

**10. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	Cơ sở hạ tầng VND
<b>NGUYỄN GIÁ</b>	
Tại ngày 01/01/2012 và 30/6/2012	229.280.786.454
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Tại ngày 01/01/2012	8.062.563.263
Khấu hao trong kỳ	2.367.635.928
Tại ngày 30/6/2012	<u>10.430.199.191</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Tại ngày 30/6/2012	<u>218.850.587.263</u>
Tại ngày 31/12/2011	<u>221.218.223.191</u>

Chi tiết của bất động sản đầu tư của Công ty như sau:

	30/6/2012 và 31/12/2011 VND
Dự án Cơ sở hạ tầng - 39,8 hectare (i)	131.881.668.267
Dự án Cơ sở hạ tầng 23 hectare (ii)	97.399.118.187
	<u>229.280.786.454</u>

(i) Bất động sản đầu tư thể hiện cơ sở hạ tầng và diện tích đất 39,8 ha tại Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai Bến Đình của dự án Sao Mai Bến Đình đã hoàn thành năm 2009 và sau đó được thuê bởi Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí từ năm 2010. Bất động sản đầu tư này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian thuê là 48 năm.

(ii) Bất động sản đầu tư thể hiện cơ sở hạ tầng và diện tích đất 23 ha được thuê bởi Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí năm 2010. Giá trị thực của khoản đầu tư này được tạm ghi nhận vào năm 2010 và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 49 năm. Năm 2011, bất động sản đầu tư này được quyết toán đầu tư và không có sự biến đổi đáng kể trong giá trị của bất động sản đầu tư này.

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và 30 tháng 6 năm 2012 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và 30 tháng 6 năm 2012 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một Công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**11. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Đầu tư dài hạn khác	10.530.000.000	10.530.000.000
	<u>10.530.000.000</u>	<u>10.530.000.000</u>

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện khoản vốn góp vào Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao, với số tiền đầu tư tương đương 13,16% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao. Tại ngày lập báo cáo tài chính, Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao hoạt động có lợi nhuận nên Công ty không cần trích lập dự phòng cho khoản đầu tư này.

**12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	760.880.110	3.721.197.300
	<u>760.880.110</u>	<u>3.721.197.300</u>

**13. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI PHẢI TRẢ**

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận trên khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của bất động sản đầu tư và cơ sở tính thuế thu nhập do có sự khác biệt về thời gian tính khấu hao Cơ quan Thuế cho phép theo quy định tại Quyết định số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính là 25 năm và thời gian tính khấu hao của Công ty áp dụng là 48 năm.

Dưới đây là thuế thu nhập hoãn lại phải trả do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong kỳ.

	Chênh lệch khấu hao VND
Tại ngày 01/01/2012	1.880.064.493
Ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	554.494.950
Tại ngày 30/6/2012	<u>2.434.559.443</u>

**14. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

Doanh thu chưa thực hiện thể hiện số tiền Công ty được trả trước từ việc cho thuê cơ sở hạ tầng tại Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình, thành phố Vũng Tàu.

Chi tiết số dư doanh thu chưa thực hiện của Công ty như sau:

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Doanh thu chưa thực hiện dự án 39,8 ha	137.289.792.977	138.798.472.021
Doanh thu chưa thực hiện dự án 23 ha	103.218.268.467	104.311.489.315
	<u>240.508.061.444</u>	<u>243.109.961.336</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNH**

Lầu 16, Tòa nhà khách sạn Dầu khí, 9-11 đường Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu

Báo cáo tài chính

Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**15. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn điều lệ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2011	500.000.000.000	21.953.718.608	8.131.006.892	(1.411.475.005)	20.828.386.885	549.501.637.380
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	24.996.997.932	24.996.997.932
Phân phối các quỹ	-	6.749.189.442	2.499.699.793	-	(11.998.559.006)	(2.749.669.771)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	1.411.475.005	-	1.411.475.005
Điều chỉnh	-	945.571.045	350.211.498	-	(1.681.015.192)	(385.232.649)
Tại ngày 31/12/2011	<u>500.000.000.000</u>	<u>29.648.479.095</u>	<u>10.980.918.183</u>	<u>-</u>	<u>32.145.810.619</u>	<u>572.775.207.897</u>
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	10.461.837.150	10.461.837.150
Phân phối các quỹ	-	2.824.696.031	1.046.183.715	-	(5.021.681.833)	(1.150.802.087)
Cổ tức đã trả	-	-	-	-	(17.000.000.000)	(17.000.000.000)
Tại ngày 30/6/2012	<u>500.000.000.000</u>	<u>32.473.175.126</u>	<u>12.027.101.898</u>	<u>-</u>	<u>20.585.965.936</u>	<u>565.086.242.960</u>

Công ty sẽ phải trích từ lợi nhuận sau thuế vào quỹ dự phòng tài chính để bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh theo điều lệ của Công ty. Theo Nghị quyết số 02/NQ-HĐQT ngày 10 tháng 02 năm 2012, khoản trích này được trích theo tỷ lệ bằng mười phần trăm (10%) lợi nhuận sau thuế của Công ty. Quỹ đầu tư phát triển được trích bằng ba mươi phần trăm (30%) của lợi nhuận sau thuế sau khi đã trích quỹ dự phòng tài chính. Các quỹ khác được trích bằng mười một phần trăm (11%) lợi nhuận sau thuế theo quy định trong điều lệ Công ty. Trong kỳ, Công ty đã chi trả cổ tức trị giá 17.000.000.000 đồng theo Quyết định số 04 ngày 26 tháng 4 năm 2012 của Đại hội đồng cổ đông.

Vốn điều lệ	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 50 triệu cổ phần, 10.000 đồng/cổ phần	500.000.000.000	500.000.000.000
Cổ phần đã phát hành và thu tiền 50 triệu cổ phần, 10.000 đồng/cổ phần	500.000.000.000	500.000.000.000

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là 500 tỷ đồng được chia thành 50.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng. Công ty chỉ có một loại cổ phần phổ thông không hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Chủ sở hữu cổ phần cổ đông có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

Tình hình góp vốn điều lệ của của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 và 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp Tại 30/6/2012 và 31/12/2011
	VND	%	VND
Cổ đông sáng lập			
Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí	210.250.000.000	42,05	210.230.500.000
Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	50.924.000.000	10,18	50.924.000.000
Các cổ đông khác	238.826.000.000	47,77	238.845.500.000
	<u>500.000.000.000</u>	<u>100</u>	<u>500.000.000.000</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNH**

Lầu 16, Tòa nhà khách sạn Dầu khí, 9-11 đường Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu  
 Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**16. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là khai thác cụm cảng và khu kinh tế Sao Mai Bến Đình, xây dựng các công trình phục vụ ngành dầu khí; lắp ráp giàn khoan và các công trình nổi phục vụ ngành dầu khí; kinh doanh máy móc, thiết bị phục vụ ngành dầu khí. Trong kỳ, Công ty không phát sinh doanh thu, chi phí từ các hoạt động kinh doanh khác, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 là liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Công ty.

**17. DOANH THU**

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011 (chưa soát xét)
	VND	VND
Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	2.601.899.892	2.602.668.506
Doanh thu cung cấp dịch vụ	18.624.216.503	9.571.864.614
Doanh thu kinh doanh máy móc thiết bị phục vụ ngành dầu khí (cung cấp máy cầu cho Xí nghiệp Liên doanh Dầu khí Việt - Xô)	-	247.354.179.042
	<b>21.226.116.395</b>	<b>259.528.712.162</b>

**18. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011 (chưa soát xét)
	VND	VND
Chi phí khấu hao bất động sản đầu tư	2.367.635.928	2.364.962.742
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	15.819.627.742	6.261.619.169
Giá vốn kinh doanh máy móc thiết bị phục vụ ngành dầu khí (cung cấp máy cầu cho Xí nghiệp Liên doanh Dầu khí Việt - Xô)	-	241.984.159.783
	<b>18.187.263.670</b>	<b>250.610.741.694</b>

**19. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011 (chưa soát xét)
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.601.217.787	1.530.162.324
Chi phí nhân công	24.197.746.747	12.919.884.720
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.850.365.781	3.403.146.254
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.910.356.615	246.370.929.305
Chi phí khác	3.174.950.890	3.609.151.873
	<b>42.734.637.820</b>	<b>267.833.274.476</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNH**

Lầu 16, Tòa nhà khách sạn Dầu khí, 9-11 đường Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu  
 Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011 (chưa soát xét)
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	28.251.911.816	23.996.950.187
Lãi ủy thác đầu tư, ủy thác quản lý vốn	7.093.694.444	7.547.456.439
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	237.776	4.340.102.551
	<u>35.345.844.036</u>	<u>35.884.509.177</u>

**21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011 (chưa soát xét)
	VND	VND
Chi phí lãi vay	-	2.340.412.455
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	38.199	6.171.641.087
	<u>38.199</u>	<u>8.512.053.542</u>

**22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011 (chưa soát xét)
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	14.176.104.534	10.071.168.647
Điều chỉnh thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(2.217.979.800)	(2.215.413.546)
Cộng: Chi phí không được khấu trừ	138.015.650	56.000.000
Thu nhập chịu thuế	<u>12.096.140.384</u>	<u>7.911.755.101</u>
Thuế suất	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>3.024.035.096</u>	<u>1.977.938.775</u>
Thuế TNDN bổ sung năm trước	135.737.338	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>3.159.772.434</u>	<u>1.977.938.775</u>

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

**23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính toán dựa vào cơ sở dữ liệu sau:

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011 (chưa soát xét)
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	10.461.837.150	7.539.376.486
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	50.000.000	50.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>209</u>	<u>151</u>

**24. CAM KẾT VỐN**

Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận đầu tư ngày 29 tháng 5 năm 2011 từ Ban Quản lý khu Kinh tế Vân Phong, tỉnh Khánh Hòa cho Dự án Căn cứ Dịch vụ Công nghiệp Dầu khí Vân Phong với diện tích khoảng 350 ha đất, tổng vốn đầu tư là 25.772.000.000.000 đồng. Dự án gồm 3 giai đoạn, dự kiến hoàn thành và đưa vào sử dụng vào năm 2017. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Công ty đã hoàn tất

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNH**

Lầu 16, Tòa nhà khách sạn Dầu khí, 9-11 đường Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu

Báo cáo tài chính

Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

báo cáo khảo sát chi tiết cho dự án này. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang cho dự án tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 được trình bày tại Thuyết minh số 9.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, Công ty có cam kết vốn đầu tư vào Dự án Khu Dịch vụ Dầu khí trên diện tích 35 ha tại khu Căn cứ Sao Mai Bến Đình. Tổng vốn đầu tư ước tính của dự án là 1.310.361.170.000 đồng, thời gian triển khai và hoàn thành dự kiến là từ năm 2012 - 2014. Công ty đang tiến hành lập dự án đầu tư và do đó, tổng giá trị đầu tư cũng như thời gian triển khai và hoàn thành có thể thay đổi đáng kể khi dự án được chính thức phê duyệt.

**25. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011 (chưa soát xét)
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	1.197.205.899	954.558.073

Khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện các khoản thanh toán cho việc thuê văn phòng có thời hạn thuê trong vòng 1 năm.

**26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ. Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	507.986.777.281	402.344.257.497
Đầu tư ngắn hạn	30.000.000.000	130.000.000.000
Phải thu khách hàng	1.468.508.122	13.203.530.933
Phải thu khác	8.332.982.166	9.174.453.577
Ký quỹ ngắn hạn	15.000.000	15.000.000
Phải thu dài hạn khác	3.000.000	23.000.000
Đầu tư dài hạn	10.530.000.000	10.530.000.000
	<u>558.336.267.569</u>	<u>565.290.242.007</u>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán	4.544.586.192	5.019.066.409
Chi phí phải trả	-	2.095.309.138
	<u>4.544.586.192</u>	<u>7.114.375.547</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNH**

Lầu 16, Tòa nhà khách sạn Dầu khí, 9-11 đường Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu

Báo cáo tài chính

Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	30/6/2012	31/12/2011	30/6/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đô la Mỹ (USD)	-	-	4.226.179.696	6.706.107.114
Euro (EUR)	-	-	2.761.998	2.755.505
	-	-	<u>4.228.941.694</u>	<u>6.708.862.619</u>

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng là các bên liên quan của Công ty.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

30/6/2012	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả người bán	4.544.586.192	-	4.544.586.192
31/12/2011	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả người bán	5.019.066.409	-	5.019.066.409
Chi phí phải trả	2.095.309.138	-	2.095.309.138

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

30/6/2012	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	507.986.777.281	-	507.986.777.281
Đầu tư ngắn hạn	30.000.000.000	-	30.000.000.000
Phải thu khách hàng	1.468.508.122	-	1.468.508.122
Phải thu khác	8.332.982.166	-	8.332.982.166
Ký quỹ ngắn hạn	15.000.000	-	15.000.000
Phải thu dài hạn khác	-	3.000.000	3.000.000
Đầu tư dài hạn	-	10.530.000.000	10.530.000.000
31/12/2011	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	402.344.257.497	-	402.344.257.497
Đầu tư ngắn hạn	130.000.000.000	-	130.000.000.000
Phải thu khách hàng	13.203.530.933	-	13.203.530.933
Phải thu khác	9.174.453.577	-	9.174.453.577
Ký quỹ ngắn hạn	15.000.000	-	15.000.000
Phải thu dài hạn khác	-	23.000.000	23.000.000
Đầu tư dài hạn	-	10.530.000.000	10.530.000.000

**27. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011 (chưa soát xét) VND
Cung cấp dịch vụ		
Doanh thu cung cấp máy cầu cho Xí nghiệp Liên doanh Dầu khí Việt - Xô	-	247.360.229.042
Cung cấp dịch vụ cho Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	3.551.840.367	27.298.463.434
Cung cấp dịch vụ cho Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	1.940.860.978	7.127.091.420
Cung cấp dịch vụ cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Cơ khí Hàng Hải	15.733.415.050	4.689.800.909

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNH**

Lầu 16, Tòa nhà khách sạn Dầu khí, 9-11 đường Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu  
 Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính  
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**Mua dịch vụ**

Mua dịch vụ của Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp & Dân dụng Dầu khí	-	3.541.944
Mua dịch vụ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Cơ khí Hàng Hải	1.717.920.650	8.708.237.816
Mua dịch vụ của Công ty Cổ phần Khách sạn Dầu khí PTSC	1.182.950.734	987.397.358
Phí sử dụng nhãn hiệu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	673.119.555	-
<b>Lãi ủy thác đầu tư, ủy thác quản lý vốn</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Tài chính Dầu khí	7.093.694.444	6.147.067.550
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Tài chính Dầu khí (ủy thác quản lý vốn)	86.000.000.000	60.000.000.000
Thu nhập Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị được hưởng trong kỳ như sau:		
	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011 (chưa soát xét)
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lương và thưởng	1.865.720.546	2.031.841.801
Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:		
	30/6/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Các khoản phải thu</b>		
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	81.614.303	438.416.275
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cơ khí Hàng Hải	547.984.590	3.439.892.462
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	838.909.229	2.697.653.663
<b>Các khoản phải trả</b>		
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	812.744.295	25.513.633
Công ty Cổ phần Khách sạn Dầu khí PTSC	214.941.164	217.869.617
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	673.119.555	1.665.126.776

**28. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán.

Số liệu trình bày trên cột so sánh của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011. Các số liệu so sánh này chưa được kiểm toán hoặc soát xét theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam.

Phùng Như Dũng  
 Giám đốc  
 Ngày 10 tháng 8 năm 2012

Phạm Minh Vĩ  
 Kế toán trưởng